

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TX.
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6/2018

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Toà án nhân dân quận TX.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Lan Anh**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Đỗ Quang Linh**

Bà **Nguyễn Thị Hồng**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Phan Lạc Mạnh** - Cán bộ tòa án.

Đại diện VKSND quận TX.: Bà **Vũ Thị Anh Đào** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận TX., Tp Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 437/2016/HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2016 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2018/QĐXX-ST, ngày 18 tháng 4 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Lại Phú Q.**, sinh năm: 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Số 9 hẻm 16/1/30 HT., P. LH., Đ.Đ, Hà Nội.

2. Bị đơn: Chị **Phạm Thị Q.A.**, sinh năm: 1983 (có mặt)

HKTT: Số 9 hẻm 16/1/30 HT., P. LH., Đ.Đ, Hà Nội.

Địa chỉ: Số 75 ngõ 11 tổ 22 KT., TX., Hà Nội.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị **Nguyễn Thu H.**, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

HKTT: F.201 D10 TC., BĐ., Hà Nội.

Nơi cư trú: 18B khu tập thể X16 BC., KT., TX., Hà Nội.

- Anh **An Hoàng H.**, sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 16 ngõ 22 TK., tổ 3 phường TH., CG., Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 20/6/2015 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Lại Phú Q. trình bày:

Tôi và chị Q.A. kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký tại UBND phường LH., Đ.Đ, Hà Nội ngày 20/11/2006. Vợ chồng tôi sống hòa thuận đến 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong làm ăn cũng như sinh hoạt. Đến đầu năm 2014 thì mọi quan hệ vợ chồng chấm dứt và mỗi người ở một nơi từ đó cho đến nay.

Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi có nguyện vọng xin được ly hôn đối với chị Q.A..

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Lại Hiền M., sinh ngày: 05/9/2007 và Lại Hiễn V., sinh ngày: 01/10/2010. Sau khi ly hôn tôi xin trực tiếp nuôi cả hai con nếu không được tôi xin nuôi cháu Lại Hiền M., sinh ngày: 05/9/2007. Tôi không yêu cầu chị Q.A. cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nhà ở chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ: Không có.

Bị đơn là chị Phạm Thị Q.A. trình bày:

Tôi xác nhận về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn như anh Q. trình bày là đúng. Tôi xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do làm ăn thua lỗ, phải vay nợ nhiều dẫn đến việc vợ chồng phải bán hết tài sản để trả nợ. Sau đó vợ chồng thường xuyên cãi cọ, bản thân tôi phải đi thuê trọ còn anh Q. về nhà nội ở từ tháng 8 năm 2014 và chúng tôi đã sống ly thân cho đến nay. Trong quá trình giải quyết ly hôn chúng tôi đã được hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng không đoàn tụ được. Nay anh Q. vẫn kiên quyết ly hôn tôi đồng ý.

Về con chung:

Xác nhận có 02 con chung như anh Q. trình bày. Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi hai con là Lại Hiền M. và Lại Hiễn V.. Nếu không được tôi xin được nuôi cháu Lại Hiễn V., sinh ngày: 01/10/2010. Tôi không yêu cầu anh Q. cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản nhà ở chung: Chúng tôi không có tài sản và nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi đứng ra vay mượn chị Nguyễn Thu H. số tiền 1.100.000.000 đồng, vay anh An Hoàng H. số tiền 650.000.000 đồng và vay anh Nguyễn Xuân S. số tiền 350.000.000 đồng. Khi vay tôi là người viết giấy biên nhận và nhận tiền, anh Q. có biết việc này nhưng không ký vào giấy biên nhận. Tôi sử dụng vào việc gia đình, sửa nhà cửa, đi chơi....

Trước đây tôi có yêu cầu anh Q. phải chịu trách nhiệm trả một nửa số nợ cho tôi nhưng nay của tôi xin tự chịu trách nhiệm không yêu cầu anh Q. phải có trách nhiệm trả số nợ này và không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án ly hôn của chúng tôi.

Khi tôi trình bày về khoản nợ nói trên và yêu cầu anh Q. có trách nhiệm trả nợ tại Tòa án tôi đã thông báo cho chị H., anh Sáng, anh H.. Các anh chị trên có ý kiến việc này tự vợ chồng tôi phải giải quyết và chứ không tham gia vào vụ án ly hôn của vợ chồng tôi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh An Hoàng H., chị Nguyễn Thu H. đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại tòa án nên không có ý kiến.

Đối với anh Nguyễn Xuân S.: Anh S. khai năm 2013 anh có cho chị Q.A. vay số tiền 550.000.000 đồng hạn 30/8/2014 sẽ trả hết khi vay không viết giấy tờ, không tính lãi, khi vay chỉ có chị Q.A. giao dịch. Khoảng giữa năm 2013 anh Q. có mang đến trả cho anh 200.000.000 đồng khi trả không viết giấy tờ gì, không người làm chứng. Đến 23/11/2013 anh yêu cầu chị Q.A. viết giấy vay tiền, số tiền còn lại là 350.000.000 đồng và hạn đến 30/8/2014 thì trả. Anh đã nhận được thông báo số 01/TB-THQYCDL ngày 29/9/2017 của tòa án nhân dân quận TX. về việc thực hiện quyền yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án ly hôn. Tuy nhiên đến nay Anh S. đề nghị Tòa án không xác định anh là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án ly hôn của anh Q. và chị Q.A.. Khi nào thấy cần thiết anh sẽ khởi kiện tại một vụ án khác.

Đối với anh An Hoàng H. và chị Nguyễn Thu H., Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý; Thông báo về việc thực hiện quyền yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án ly hôn; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng anh H. và chị H. không làm các thủ tục liên quan đến yêu cầu độc lập và tham gia các buổi làm việc nên không có ý kiến.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, tại biên bản hòa giải ngày 02/4/2018 anh Q. và chị Q.A. đã thống nhất thỏa thuận:

1. Về tình cảm:

Anh Lại Phú Q. và chị Phạm Q.A. thuận tình ly hôn.

2. Về con chung:

Sau ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận, anh Q. được trực tiếp nuôi cháu Lại Hiền M., sinh ngày: 05/9/2007, chị Q.A. trực tiếp nuôi cháu Lại Hiền V., sinh ngày: 01/10/2010 không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

3. Về tài sản và nhà ở chung: Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về các khoản vay:

Trước đây chị Q.A. có yêu cầu anh Q. phải chịu trách nhiệm trả một nửa số nợ cho chị nhưng nay của chị xin tự chịu trách nhiệm không yêu cầu anh Q. phải có trách nhiệm trả số nợ này và không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án ly hôn.

Tại phiên Tòa chị Q.A. và anh Q. vẫn giữ nguyên ý kiến.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thu H. và anh An Hoàng H. vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận TX., Thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành của những người tham gia tố tụng dân sự đã chấp hành hành đúng việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và Gia đình

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Về tình cảm:

Anh Lại Phú Q. và chị Phạm Thị Q.A. thuận tình ly hôn.

2. Về con chung:

Sau ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận. Anh Q. được trực tiếp nuôi cháu Lại Hiền M., sinh ngày: 05/9/2007, chị Q.A. trực tiếp nuôi cháu Lại Hiền V., sinh ngày: 01/10/2010 và thỏa thuận không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

3. *Về tài sản và nhà ở chung*: Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Không giải quyết các khoản nợ trong vụ án.

Anh Q. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về tố tụng:

Anh Lại Phú Q. và chị Phạm Thị Q.A. sinh sống tại phường KT., quận TX., Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận TX. thụ lý và giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh An Hoàng H. và chị Nguyễn Thu H. đã được triệu tập hợp lệ, tuy nhiên anh chị vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án xét xử vắng mặt anh H. và chị H. theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa anh Lại Phú Q. và chị Phạm Thị Q.A. là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Sau cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2014, anh chị mỗi người ở một nơi và sống ly thân từ đó cho đến nay.

Qua các buổi hòa giải, xác minh tại địa phương cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ đã xác định vợ chồng anh Quý, chị Q.A. trong cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn: chủ yếu do làm ăn thua lỗ, phải vay nợ nhiều dẫn đến việc vợ chồng phải bán hết tài sản để trả nợ. Sau đó vợ chồng thường xuyên cãi cọ. Khi mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng dẫn đến vợ chồng ly thân bản thân anh Q. và chị Q.A. không có biện pháp hữu hiệu để vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng mà ngày càng xa cách. Nay cả hai anh chị đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, nên thuận tình ly hôn.

Xét mâu thuẫn giữa anh Q. và chị Q.A. đã trầm trọng, kéo dài, hạnh phúc vợ chồng và mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng xin ly hôn của

anh Quý, chị Q.A. là phù hợp với pháp luật. Cần căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 để xử công nhận thuận tình ly hôn của anh Q. và chị Q.A..

- Về con chung:

Qua các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án nhận thấy anh Q. và chị Q.A. có 02 con chung là:

Lại Hiền M., sinh ngày: 05/9/2007,

và Lại Hiền V., sinh ngày: 01/10/2010

Sau ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận, anh Q. được trực tiếp nuôi cháu Lại Hiền M., chị Q.A. được trực tiếp nuôi cháu Lại Hiền V.; Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Đây là thỏa thuận phù hợp với pháp luật nên cần ghi nhận.

- Về tài sản và nhà ở chung:

Anh Q. và chị Q.A. xác nhận không có tài sản và nhà ở chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về các khoản vay:

Chị Q.A. khai chị vay của chị Nguyễn Thu H. số tiền 1.100.000.000 đồng, vay anh An Hoàng H. số tiền 650.000.000 đồng và vay anh Nguyễn Xuân S. số tiền 350.000.000 đồng. Khi vay chị là người viết giấy biên nhận và nhận tiền, anh Q. có biết việc này nhưng không ký vào giấy biên nhận. Chị sử dụng vào việc gia đình, sửa nhà cửa, đi chơi. Anh Q. không công nhận cùng chị Q.A. đi vay số tiền này và hoàn toàn không biết gì về các khoản nợ như chị Q.A. khai. Nên không có trách nhiệm trả nợ.

Trước đây chị có yêu cầu anh Q. phải chịu trách nhiệm trả một nửa số nợ nhưng nay của chị xin tự chịu trách nhiệm không yêu cầu anh Q. phải có trách nhiệm trả số nợ này và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án ly hôn.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh An Hoàng H. và chị Nguyễn Thu H., Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc thực hiện quyền yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án ly hôn; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... nhưng anh H. và chị H. không làm các thủ tục liên quan đến yêu cầu độc lập và không tham gia

các buổi làm việc nên không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết những khoản nợ của anh H., chị H. trong vụ án này.

- Riêng anh Nguyễn Xuân S. trình bày: Chị Q.A. có vay của anh số tiền 550.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả (còn nợ 350.000.000 đồng theo giấy vay tiền lập ngày 02/11/2013), khi vay chỉ có chị Q.A. giao dịch. Tuy nhiên, khi anh nhận được thông báo của tòa án về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người liên quan đến yêu cầu độc lập anh đã có ý kiến không yêu cầu tòa án giải quyết việc vay nợ giữa anh và chị Q.A. và không tham gia vào vụ án ly hôn này. Ngoài ra, chị Q.A. cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ nên tòa án không xác định anh Nguyễn Xuân S. là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Anh Q. phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Anh Quý, chị Q.A., anh H., chị H. được kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Căn cứ khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 2 năm 2009 và danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo;

Xử:

I. Về hôn nhân:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Lại Phú Q. và chị Phạm Thị Q.A. thuận tình ly hôn.

II. Về con chung:

- Anh Lại Phú Q. và chị Phạm Thị Q.A. có 02 con chung là: Lại Hiền M., sinh ngày: 05/9/2007 và Lại Hiền V., sinh ngày: 01/10/2010.

- Công nhận sự thỏa thuận của anh chị: Sau ly hôn anh Q. được trực tiếp nuôi cháu Lại Hiền M., chị Q.A. được trực tiếp nuôi cháu Lại Hiền V. và thỏa thuận không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

III. Về tài sản và nhà ở chung:

Anh chị xác nhận không có tài sản và nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Không giải quyết các khoản nợ của anh An Hoàng H. và chị Nguyễn Thu H. trong vụ án này.

IV. Về án phí:

Anh Lại Phú Q. phải chịu 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006570 ngày 02/7/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận TX..

V. Về quyền kháng cáo:

Anh Lại Phú Q. và chị Phạm Thị Q.A. có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh An Hoàng H., chị Nguyễn Thu H. được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND Q. TX.;
- Chi cục THADS Q. TX.;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Lan Anh